

Số: /2023/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Khóa XV phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân

sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 562/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Sửa đổi khoản 8 Điều 1 như sau:

“13. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương bố trí theo phân cấp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.”

2. Sửa đổi khoản 9 Điều 1 như sau:

“14. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.”

3. Bổ sung khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12 Điều 1 như sau:

“8. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, khu dân cư, tuyến dân cư, cấp ấp.

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ đối với các huyện miền núi: Ngân sách trung ương hỗ trợ 70%, ngân sách địa phương hỗ trợ 30% trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Kinh phí hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/mô hình quy mô hộ gia đình, cấp ấp và tối đa 80

triệu đồng/mô hình quy mô khu dân cư, tuyến dân cư, cấp áp được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ đối với các huyện còn lại: Ngân sách trung ương hỗ trợ 50%, ngân sách địa phương hỗ trợ 50% trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Kinh phí hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/mô hình quy mô hộ gia đình, cấp áp và tối đa 80 triệu đồng/mô hình quy mô khu dân cư, tuyến dân cư, cấp áp được cấp thẩm quyền phê duyệt.

9. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, chứng nhận GAP cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

10. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm e, điểm k khoản 2 Điều 10 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% (trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ 50%, ngân sách địa phương hỗ trợ 50%) trên tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 300 triệu đồng/mô hình/1 cơ sở, tổ chức, cá nhân.

11. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.

a) Nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, kinh phí hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ hội nghề nghiệp.

a) Nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại tiết 2.3 khoản 2 mục II Phần B Hướng dẫn số 466-HD/HNDTW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thực hiện một số nội dung thành phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%, kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-M.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Nung